

**I. MỤC TIÊU- NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026.**

**LỚP: CƠM THƯỜNG A.**

**Người thực hiện: Nguyễn Thị Chanh - Đào Thị Thon.**

| TT | Mục tiêu năm                                               | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|------------------------------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                            |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                            |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                            |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 1  | I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT                   |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 2  | A. Phát triển vận động                                     |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 3  | 1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 4  |                                                            |       |              |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 5  |                                                            |       |              |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                                                                                                                                                           | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                        |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                                                                                                                                                        |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                                                                                                                                                        |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 6  | Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay giơ cao/đưa ra phía trước/đưa sang ngang/ đưa ra sau/lắc bàn tay; lưng /cúi về phía trước, nghiêng/vặn người sang 2 bên;chân/ ngồi xuống, đứng lên/ cõ duỗi từ cơ chân | NDCT  |              | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 7  |                                                                                                                                                                                                                                        |       |              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 8  |                                                                                                                                                                                                                                        |       |              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm      | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |  |
|----|--------------|-------|-------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|--|
|    |              |       |                   |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |  |
|    |              |       |                   |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |  |
|    |              |       |                   |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |  |
| 9  |              |       | CƠ QUAN TĂNG CHẠM |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
|    |              |       |                   |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
|    |              |       |                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 11 |              |       |                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |      |                                                     | 1 |  |

| TT | Mục tiêu năm                                                               | Nguồn | Nội dung năm                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|----------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                            |       |                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                            |       |                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                            |       |                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 12 |                                                                            |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 13 | 2. Các vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động            |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 14 | * Vận động: bò, trườn                                                      |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 15 | Biết bò thẳng hướng trong đường hẹp (3m x 35 - 40)                         | TLHD  | Bò thẳng hướng trong đường hẹp (3m x 35 - 40) | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 16 | Biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng | KQMĐ  | Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng (3m)     | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 17 | Biết bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm)                                | TLHD  | Bò chui qua cổng (cao 50cm, rộng 40cm)        | TLHD  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                   | Nguồn | Nội dung năm                                                                                              | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                |       |                                                                                                           |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                |       |                                                                                                           |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                |       |                                                                                                           |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 18 | Biết bò đến vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm)                                         | TLHD  | Bò qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m, đứng dậy đi về chỗ hoặc lấy đồ chơi. | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 19 | Biết bò đến vật cản và trườn qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m. | TLHD  | Biết bò đến vật cản và trườn qua vật cản (cao 10-15cm, rộng khoảng 20-25cm) bò tiếp khoảng 2m.            | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 20 | * Vận động: đi, chạy                                                                           |       |                                                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 21 | Giữ được thăng bằng trong khi thực hiện vận động đi theo hiệu lệnh của cô                      | KQMĐ  | Đi theo hiệu lệnh                                                                                         | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 22 | Trẻ khéo léo, giữ được thăng bằng khi đi trong đường hẹp không dẫm vào vạch của đường          | TLHD  | Đi trong đường hẹp                                                                                        | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                      | Nguồn | Nội dung năm                             | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                   |       |                                          |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                   |       |                                          |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                   |       |                                          |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 23 | Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trong đường hẹp và khéo léo cầm vật trong tay không làm rơi vật | KQMĐ  | Đi trong đường hẹp có mang vật trong tay | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 24 | Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi trong đường ngoằn ngoèo có độ rộng khoảng 30-35 cm.             | KQMĐ  | Đi trong đường ngoằn ngoèo               | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                   | Nguồn | Nội dung năm                                       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                |       |                                                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                |       |                                                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                |       |                                                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 25 | Trẻ khéo léo, tự tin, giữ được thăng bằng cơ thể khi đi, chạy theo hướng thẳng | KQMĐ  | Đi theo hướng thẳng                                | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 26 | Chạy theo hướng thẳng                                                          |       | NDCT                                               |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           | 1         |      |                                                     |
| 27 | * Vận động: bước, nhún, bật                                                    |       |                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 28 | Biết bật nhảy tại chỗ                                                          | NDCT  | Bật tại chỗ                                        | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 29 | Giữ được thăng bằng cơ thể khi bật qua vạch kẻ, chân không chạm vào vạch.      | NDCT  | Bật qua vạch kẻ                                    | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 30 | Giữ thăng bằng khi thực hiện vận động đứng co 1 chân, sau đó đổi chân.         | NDCT  | Đứng co 1 chân                                     | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 31 |                                                                                |       | Đứng co 1 chân cách đất 10-12 cm, sau đó đổi chân. | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 32 | Biết đi bước vào các ô(mỗi ô kích thước 30 x 25cm) không giẫm vào vạch.        | TLHD  | Đi bước vào các ô                                  | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                             | Nguồn | Nội dung năm                            | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|    |                                                                                          |       |                                         |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|    |                                                                                          |       |                                         |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|    |                                                                                          |       |                                         |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 33 | Biết đi bước qua gậy kê cao, không chạm chân vào gậy.                                    | TLHD  | Đi bước qua gậy kê cao(cao 7cm)         | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x    | 1                                                   |  |
| 34 | * Vận động: tung, ném, bắt                                                               |       |                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 35 | Biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m | KQMĐ  | Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m | KQMĐ  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 36 |                                                                                          |       |                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |  |
| 37 |                                                                                          |       |                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 38 | Biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m      | KQMĐ  | Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 39 | Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng vào gôn.                                   | KQMĐ  | Ngồi lăn bóng vào gôn.                  | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 40 | Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay lăn bóng giống cô.                                     | KQMĐ  | Ngồi lăn bóng.                          | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 41 | Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng vào đích                                   | KQMĐ  | Ngồi lăn bóng vào đích.                 | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                           | Nguồn | Nội dung năm                                               | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                        |       |                                                            |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                        |       |                                                            |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                        |       |                                                            |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 42 | Trẻ biết ngồi cầm bóng bằng 2 tay và lăn bóng trong đường hẹp                                          | KQMĐ  | Ngồi lăn bóng trong đường hẹp.                             | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 43 | Biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Ném bóng vào đích xa ở phía trước với khoảng cách 1 - 1,2m | KQMĐ  | Ném bóng vào đích xa ở phía trước với khoảng cách 1 - 1,2m | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 44 | Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)        | KQMĐ  | Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)        | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          | x        |           |           | 2    |                                                     |
| 45 | <b>* Trò chơi vận động:</b>                                                                            |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 46 |                                                                                                        |       |                                                            |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                      | Nguồn | Nội dung năm                                                                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|--|
|    |                                                                                                   |       |                                                                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |  |
|    |                                                                                                   |       |                                                                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |  |
|    |                                                                                                   |       |                                                                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |  |
| 47 | Sử biết dụng các trò chơi vận động nhằm rèn luyện kĩ năng vận động và phát triển thể lực cho trẻ. | TLHD  | Trò chơi vận động nhằm giúp trẻ phát triển thể lực qua các thao tác vận động | TLHD  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |  |
| 48 |                                                                                                   |       |                                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 49 |                                                                                                   |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 50 |                                                                                                   |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |

| TT | Mục tiêu năm                                        | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|----|-----------------------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|    |                                                     |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|    |                                                     |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|    |                                                     |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 51 |                                                     |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 52 |                                                     |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |
| 53 |                                                     |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |   |
| 54 |                                                     |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x    |                                                     | 1 |
| 55 | 3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |   |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                           | Nguồn | Nội dung năm                                                                                   | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                        |       |                                                                                                |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                        |       |                                                                                                |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                        |       |                                                                                                |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 56 | Thực hiện được các vận động xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé giấy | NDCT  | Thực hiện vận động xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé giấy. | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 57 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 58 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 59 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 60 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 61 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 62 |                                                                                                        |       |                                                                                                |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                | Nguồn | Nội dung năm    | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|----|---------------------------------------------|-------|-----------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|    |                                             |       |                 |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|    |                                             |       |                 |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|    |                                             |       |                 |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 63 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |   |
| 64 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |   |
| 65 | Thực hiện các vận động:<br>Cầm, kéo đồ vật. | KQMĐ  | Cầm, kéo đồ vật | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 66 |                                             |       |                 |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 67 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 68 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 69 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |
| 70 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 71 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |   |
| 72 |                                             |       |                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x    |                                                     | 1 |

| TT | Mục tiêu năm                                                          | Nguồn | Nội dung năm                       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|-----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                       |       |                                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                       |       |                                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                       |       |                                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 73 | Biết đóng cọc bàn gỗ                                                  | NDCT  | Thực hiện vận động đóng cọc bàn gỗ | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 74 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 75 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 76 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      |                                                     |
| 77 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 78 | Biết dùng các ngón tay để nhón nhặt đồ vật                            | NDCT  | Nhón nhặt đồ vật                   | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 79 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 80 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 81 |                                                                       |       |                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 82 | Có khả năng vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa kháo" | KQMĐ  | Tập múa dẻo                        | ĐP    |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT | Mục tiêu năm                                                                                                  | Nguồn | Nội dung năm                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|    |                                                                                                               |       |                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|    |                                                                                                               |       |                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|    |                                                                                                               |       |                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 83 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim.  |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 84 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim.  | KQMĐ  | Thực hiện vận động nhào đất nặn.              | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 85 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 86 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 87 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 88 |                                                                                                               |       | Thực hiện vận động vẽ cuộn len, tổ chim.      | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 89 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 90 | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: vận động tay, chuỗi đeo cổ | KQMĐ  | Thực hiện vận động xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 91 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 92 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 93 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 94 |                                                                                                               |       |                                               |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                              | Nguồn | Nội dung năm               | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                           |       |                            |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                                                                           |       |                            |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                                                                           |       |                            |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 95  | xau vòng tay, chườm đeo cơ                                                                                |       |                            |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1 |      |                                                     |
| 96  |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 97  |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 98  |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1 |      |                                                     |
| 99  | Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: cài, cởi cúc, buộc dây | NDCT  | Tập cài, cởi cúc, buộc dây | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 100 |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 101 |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 102 |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 103 |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 104 |                                                                                                           |       |                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                | Nguồn | Nội dung năm          | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------------------------|-------|-----------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                             |       |                       |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                             |       |                       |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                             |       |                       |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 105 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1 |      |                                                     |
| 106 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 107 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   | 1    |                                                     |
| 108 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x |      | 1                                                   |
| 109 | Biết chấp ghép các hình vào đúng vị trí cho trước, theo mẫu | NDCT  | Chấp ghép hình        | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1 |      |                                                     |
| 110 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |   | 1    |                                                     |
| 111 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   | 1    |                                                     |
| 112 |                                                             |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x |      | 1                                                   |
| 113 | Chồng, xếp được 6 - 8 khối không đổ                         | NDCT  | Chồng, xếp 6 - 8 khối | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 114 |                                                             |       |                       |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 115 |                                                             |       |                       |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                 | Nguồn | Nội dung năm       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                              |       |                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                                              |       |                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                                              |       |                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 116 |                                                                              |       |                    |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 117 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 118 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 119 | Bước đầu được làm quen với bút, tập cầm bút tô, vẽ nguệch ngoạc theo ý thích | NDCT  | Tập cầm bút tô, vẽ | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 120 |                                                                              |       |                    |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 121 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 122 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 123 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   |      | 1                                                   |
| 124 | Biết lật mở từng trang sách                                                  | NDCT  | Lật mở trang sách  | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 125 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |   | 1    |                                                     |
| 126 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   | 1    |                                                     |
| 127 |                                                                              |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x |      | 1                                                   |
| 128 | B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe                                           |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 129 | 1. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt                           |       |                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 130 |                                                                              |       |                    |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                            | Nguồn | Nội dung năm                                             | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                         |       |                                                          |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                         |       |                                                          |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                         |       |                                                          |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 131 | Thích nghi với chế độ ăn cơm, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau | KQMĐ  | Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 132 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 133 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 134 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 135 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 136 | Ngủ đủ 1 giấc buổi trưa                                                 | KQMĐ  | Làm quen/luyện chế độ ngủ 1 giấc (đúng giờ, đủ giấc)     | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 137 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 138 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 139 | Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                       | KQMĐ  | Đi vệ sinh đúng nơi quy định                             | KQMĐ  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 140 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 141 |                                                                         |       |                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                                 | Nguồn | Nội dung năm                                                                                                                    | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 142 | Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn. | NDCT  | Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn. | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 143 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 144 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 145 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 146 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 147 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 148 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 149 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 150 |                                                                                                                              |       |                                                                                                                                 |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                  | Nguồn | Nội dung năm                                                          | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                                                               |       |                                                                       |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                                                               |       |                                                                       |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                                                               |       |                                                                       |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 151 |                                                                                               |       |                                                                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 152 |                                                                                               |       |                                                                       |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 153 | Có một số thói quen tốt trong sinh hoạt: vứt rác đúng nơi quy định                            | NDCT  | Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: vứt rác đúng nơi quy định | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 154 |                                                                                               |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |  |
| 155 |                                                                                               |       |                                                                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 156 | 2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe                                         |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 157 | Trẻ biết bê ghế bằng hai tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định                                   | ĐP    | Bê ghế bằng hai tay, lấy xếp ghế đúng nơi qui định.                   | ĐP    |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 158 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn mặc cởi quần áo, cùng cô chuẩn bị chỗ ngủ.. | KQMĐ  | Tập tự phục vụ:<br>+ Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt      | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 159 |                                                                                               |       |                                                                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                     | Nguồn | Nội dung năm                                                                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                  |       |                                                                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                  |       |                                                                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                  |       |                                                                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 160 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn cùng cô chuẩn bị chỗ ngủ..     | KQMĐ  | Tập tự phục vụ:<br>+ Chuẩn bị chỗ ngủ                                        | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 161 | Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh,..) | KQMĐ  | Tập tự phục vụ:<br>+ Lấy uống nước<br>+ Cát lấy giày dép, tự đi dép đúng đôi | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 162 |                                                                                  |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 163 |                                                                                  |       |                                                                              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 164 | Nhận đúng kí hiệu riêng của mình trên đồ dùng cá nhân: Khăn, ca, cốc, tủ đồ.     | ĐP    | Nhận dạng kí hiệu riêng của mình trên đồ dùng cá nhân: Khăn, ca, cốc, tủ đồ. | ĐP    |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 165 | Biết xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn dưới sự hướng dẫn của cô                | ĐP    | Xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn                                          | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 166 | Biết nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh                           | NDCT  | Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh                        | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 167 | Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                | NDCT  | Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định                                             | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                     | Nguồn | Nội dung năm                                                                                                                                             | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                          |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                          |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                          |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 168 | Bước đầu biết một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt dưới sự hướng dẫn của cô                           | NDCT  | Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt                                                                                                      | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 169 | Biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh                                    | KQMĐ  | Tập thói quen tốt: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh                                                                         | KQMĐ  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 170 | 3. Nhận biết và tránh 1 số nguy cơ không an toàn                                                                 |       |                                                                                                                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 171 | Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun, xô nước, giếng,...) khi được nhắc nhở | KQMĐ  | Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun, xô nước, giếng,...) | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 172 |                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                          |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 173 |                                                                                                                  |       |                                                                                                                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         | 1         |      |                                                     |
| 174 | Biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế/ lan                                 |       | Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn,                                                                    |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                      | Nguồn | Nội dung năm                                   | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|     |                                                                   |       |                                                |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|     |                                                                   |       |                                                |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|     |                                                                   |       |                                                |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 175 | can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở           | KQMĐ  | ghế/ lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      |                                                     |   |
| 176 |                                                                   |       |                                                |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 177 |                                                                   |       |                                                |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |
| 178 |                                                                   |       |                                                |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |   |
| 179 |                                                                   |       |                                                |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x    |                                                     | 1 |
| 180 | 4. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng tránh tai nạn thương tích |       |                                                |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |   |
| 181 |                                                                   |       |                                                |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 182 |                                                                   |       |                                                |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 183 |                                                                   |       |                                                |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |

| TT  | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |              |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |              |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |              |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 184 |              |       |              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 185 |              |       |              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 186 |              |       |              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 187 |              |       |              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 188 |              |       |              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 189 |              |       |              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 190 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 191 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 192 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 193 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 194 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                         | Nguồn | Nội dung năm                                                                                     | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                      |       |                                                                                                  |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                      |       |                                                                                                  |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                      |       |                                                                                                  |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 195 | Trẻ được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng theo khoa học | ĐP    |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 196 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 197 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 198 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 199 |                                                      |       |                                                                                                  |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 200 |                                                      | ĐP    | Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh (táo bón, tiêu chảy, sốt, suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì,...) | ĐP    |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 201 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 202 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 203 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 204 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 205 |                                                      |       |                                                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                               | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                            |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                            |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                            |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 206 |                                            |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         | 1         |      |                                                     |
| 207 |                                            |       |              | x     |                                    |            |             |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 208 |                                            |       |              |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 209 |                                            |       |              |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 210 |                                            |       |              |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 211 |                                            |       |              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 212 |                                            |       |              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 213 |                                            |       |              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 214 |                                            |       |              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           | 1         |      |                                                     |
| 215 |                                            |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 216 | II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                           | Nguồn | Nội dung năm                                                            | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                        |       |                                                                         |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                        |       |                                                                         |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                        |       |                                                                         |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 217 | 1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan                                     |       |                                                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 218 | Có khả năng tìm đồ vật vừa mới cất giấu qua nghe âm thanh                              | NDCT  | Nghe âm thanh tìm nơi phát ra âm thanh, và tìm đồ vật vừa mới cất giấu. | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 219 |                                                                                        |       |                                                                         |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 220 |                                                                                        |       |                                                                         |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 221 |                                                                                        |       |                                                                         |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 222 | Có khả năng nghe và nhận biết âm thanh của một tiếng kêu của một số con vật quen thuộc | NDCT  | Nghe và nhận biết âm thanh tiếng kêu của một số con vật quen thuộc      | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 223 |                                                                                        |       |                                                                         |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 224 |                                                                                        |       |                                                                         |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                     | Nguồn | Nội dung năm                                     | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                  |       |                                                  |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                                  |       |                                                  |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                                  |       |                                                  |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 225 | Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa, quả quen thuộc qua sờ nắn, nhìn, ngửi,.. | NDCT  | Đặc điểm nổi bật của đồ vật, hoa, quả quen thuộc | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 226 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |
| 227 | Nhận biết được cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì                                                   | NDCT  | Nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì        | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 228 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 229 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 230 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 231 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |
| 232 |                                                                                                  |       |                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                   | Nguồn | Nội dung năm                                                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 233 | Có khả năng nhận biết vị đặc trưng của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) | NDCT  | Nhận biết các vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)                  | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 234 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1 |      |                                                     |
| 235 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1 |      |                                                     |
| 236 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 237 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 238 | 2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi                     |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 239 | * Nhận biết một số bộ phận của cơ thể con người                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 240 | Nói được tên và chức năng chính của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi         | KQMĐ  | Tên, chức năng của một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 241 |                                                                                |       |                                                                               | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 242 | *Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi                                             |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                 | Nguồn | Nội dung năm                                                               | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                              |       |                                                                            |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                              |       |                                                                            |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                              |       |                                                                            |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 243 | Nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | NDCT  | Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 244 |                                                                                              |       |                                                                            |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 245 |                                                                                              |       |                                                                            |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 246 |                                                                                              |       |                                                                            |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 247 |                                                                                              |       |                                                                            |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                    | Nguồn | Nội dung năm                                                          | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                 |       |                                                                       |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                                                 |       |                                                                       |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                                                 |       |                                                                       |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 248 |                                                                                 |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x | 1    |                                                     |
| 249 | *Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc                             |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 250 | Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi | NDCT  | Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |   | 1    |                                                     |
| 251 |                                                                                 |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 252 |                                                                                 |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 253 |                                                                                 |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 254 |                                                                                 |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 255 | *Nhận biết một số con vật quen thuộc                                            |       |                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                                                               | Nguồn | Nội dung năm                                                       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |   |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|---|--|
|     |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |   |  |
|     |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |   |  |
| 256 | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc theo 1 vài dấu hiệu đặc trưng về màu sắc hoặc hình dạng khi được yêu cầu                   | KQMĐ  | Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc              | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |   |  |
| 257 |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |   |  |
| 258 | *Nhận biết một số loại hoa, quả quen thuộc                                                                                                                 |       |                                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |   |   |  |
| 259 | Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa, quả, rau quen thuộc theo 1 vài dấu hiệu đặc trưng về màu sắc hoặc hình dạng khi được yêu cầu | KQMĐ  | Tên và một số đặc điểm nổi bật của một số loại hoa, quả quen thuộc | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      |                                                     | 1 |   |  |
| 260 |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      |                                                     |   | 1 |  |
| 261 |                                                                                                                                                            |       |                                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |      |                                                     |   |   |  |

| TT  | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |              |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |              |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |              |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 262 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 263 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 264 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 265 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 266 |              |       |              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 267 |              |       |              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 268 |              |       |              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 269 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 270 |              |       |              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                  | Nguồn | Nội dung năm                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------|------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                               |       |                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                               |       |                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                               |       |                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 271 | * Ngày hội, ngày lễ                                           |       |                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 272 | Trẻ nhận biết tên gọi, ý nghĩa của 1 số ngày lễ trong năm     |       | Nhận biết ngày tết quê em    | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |   | 1    |                                                     |
| 273 | * Một số mùa trong năm.                                       |       |                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 274 | Nhận biết thời tiết theo mùa                                  | TLHD  | Nhận biết thời tiết theo mùa | TLHD  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 275 |                                                               |       |                              |       |                                    |            |             |             | x         |          | x        |           |           |   | 2    |                                                     |
| 276 |                                                               |       |                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |   | 1    |                                                     |
|     |                                                               |       |                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |   | 1    |                                                     |
| 277 |                                                               |       |                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x |      | 1                                                   |
| 278 | *Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng |       |                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 279 | Chỉ hoặc lấy đúng đồ chơi có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu | KQMĐ  | Kích thước to - nhỏ          | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 280 |                                                               |       |                              |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                       | Nguồn | Nội dung năm                                                         | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                    |       |                                                                      |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                    |       |                                                                      |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                    |       |                                                                      |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 281 | Chi/nói tên hoặc lấy/cắt đúng đồ chơi màu đỏ /vàng/xanh theo yêu cầu               | KQMĐ  | Màu đỏ, vàng, xanh                                                   | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 282 |                                                                                    |       |                                                                      |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 283 |                                                                                    |       |                                                                      |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 284 | Nhận biết được hình tròn, hình vuông                                               | NDCT  | Hình tròn, hình vuông                                                | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 285 |                                                                                    |       |                                                                      |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 286 |                                                                                    |       |                                                                      |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 287 |                                                                                    |       |                                                                      |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 288 | Xác định được vị trí trong không gian (trên-dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ | NDCT  | Vị trí trong không gian (trên-dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                         | Nguồn | Nội dung năm                                               | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                      |       |                                                            |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                      |       |                                                            |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                      |       |                                                            |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 289 | Nhận biết số lượng (một - nhiều)                                     | NDCT  | Số lượng (một - nhiều)                                     | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 290 | <b>*Nhận biết bản thân và những người gần gũi</b>                    |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 291 | Nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân khi được hỏi. | NDCT  | Nhận biết được tên gọi đặc điểm bên ngoài của bản thân trẻ | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 292 |                                                                      |       |                                                            |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 293 |                                                                      |       |                                                            |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 294 |                                                                      |       |                                                            |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT   | Mục tiêu năm                                               | Nguồn | Nội dung năm                                            | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|------|------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|      |                                                            |       |                                                         |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|      |                                                            |       |                                                         |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|      |                                                            |       |                                                         |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 295  |                                                            |       |                                                         |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 296  | Trẻ nhận biết được tên gọi, đặc điểm của đồ dùng, đồ chơi. | NDCT  | Nhận biết đồ dùng, đồ chơi                              | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| NDCT |                                                            |       |                                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1 |      |                                                     |
| 297  |                                                            |       |                                                         | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 298  | Nói được tên của cô giáo, một số bạn trong lớp             | NDCT  | Tên của cô giáo, một số bạn trong lớp                   | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 299  |                                                            |       |                                                         | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 300  | Nói được tên và công việc của những người thân gần         | NDCT  | Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |   | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                       | Nguồn | Nội dung năm                                                    | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                    |       |                                                                 |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                                    |       |                                                                 |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                                    |       |                                                                 |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 301 | gửi trong gia đình                                                                                 |       | đình                                                            |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 302 | <b>III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>                                                  |       |                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 303 | <b>1. Nghe hiểu lời nói</b>                                                                        |       |                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 304 | Nghe và hiểu được lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau                                          | NDCT  | Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau                    | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 305 | Nghe và hiểu được các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc                          | NDCT  | Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc    | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 306 | Nghe và thực hiện được các nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động: "Cháu cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay!" | KQMĐ  | Nghe và thực hiện các nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động bằng lời nói | KQMĐ  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 307 |                                                                                                    |       |                                                                 |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 308 | Có khả năng nghe và thực                                                                           | KQMĐ  | Nghe và thực hiện các yêu cầu                                   | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 309 |                                                                                                    |       |                                                                 |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                           | Nguồn | Nội dung năm                                                                                | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|--------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                        |       |                                                                                             |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |  |
|     |                                                        |       |                                                                                             |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |  |
|     |                                                        |       |                                                                                             |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |  |
| 310 | Cơ khả năng nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói | KQMD  | Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói                                                  | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1 |      |                                                     |  |
| 311 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |  |
| 312 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |  |
| 313 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |   | 1    |                                                     |  |
| 314 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |   | 1    |                                                     |  |
| 315 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |   |      | 1                                                   |  |
| 316 |                                                        |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " Lóp chúng mình" | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |  |
| 317 |                                                        |       |                                                                                             |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |  |
| 318 |                                                        |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Các bạn của bé"  | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |  |
| 319 |                                                        |       |                                                                                             |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                     | Nguồn | Nội dung năm                                                                                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|--|
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |  |
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |  |
|     |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |  |
| 320 | Nghe hiểu được các bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát và nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi | KQMĐ  |                                                                                              |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |  |
| 321 |                                                                                                                  |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " Đồ dùng đồ chơi" | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 322 |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 323 |                                                                                                                  |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Động vật"         | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 324 |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 325 |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 326 |                                                                                                                  |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Gia đình"         | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 327 |                                                                                                                  |       |                                                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                     | Nguồn | Nội dung năm                                                                                | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                  |       |                                                                                             |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                  |       |                                                                                             |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                  |       |                                                                                             |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 328 | về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Tết và mùa xuân" | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 329 |                                                  |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 330 |                                                  |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề "Rau- củ- quả"    | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 331 |                                                  |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 332 |                                                  |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 333 |                                                  |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " PTGT"           | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 334 |                                                  |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 335 |                                                  |       |                                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                | Nguồn | Nội dung năm                                                                        | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                                                             |       |                                                                                     |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                                                             |       |                                                                                     |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                                                             |       |                                                                                     |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 336 |                                                                                             |       | Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản về chủ đề " Mùa hè" | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
|     |                                                                                             |       |                                                                                     |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 337 |                                                                                             |       |                                                                                     |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 338 | Nghe và trả lời được các câu hỏi: "Ai đây?"; "cái gì?", "làm gì?"; "ở đâu?", "như thế nào?" | KQMĐ  | Nghe các câu hỏi: "Ai đây?"; "cái gì?", "làm gì?"; "ở đâu?", "như thế nào?"         | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 339 |                                                                                             |       |                                                                                     |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |  |
| 340 |                                                                                             |       |                                                                                     |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                   | Nguồn | Nội dung năm                                                              | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                |       |                                                                           |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                |       |                                                                           |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                |       |                                                                           |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 341 |                                                                                |       |                                                                           |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 342 |                                                                                |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 343 | 2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu                                 |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 344 |                                                                                |       |                                                                           |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 345 | Phát âm rõ tiếng                                                               | KQMĐ  | Phát âm các âm khác nhau                                                  | KQMĐ  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 346 |                                                                                |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 347 | Biết sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp | NDCT  | Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 348 |                                                                                |       |                                                                           |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                              | Nguồn | Nội dung năm                                                                                    | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|     |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|     |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|     |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 349 | Biết sử dụng các từ chỉ con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp                           | NDCT  | Sử dụng các từ chỉ con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp                      | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |   |
| 350 |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 351 | Biết trả lời và đặt được câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "...thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?" | NDCT  | Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "...thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?" | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 352 |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |   |
| 353 |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 354 |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 355 |                                                                                                           |       |                                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      |                                                     | 1 |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                   | Nguồn | Nội dung năm                                                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 356 | Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài | NDCT  | Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài     | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 357 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 358 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |  |
| 359 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |  |
| 360 |                                                                                |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Lớp chúng mình" | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 361 |                                                                                |       |                                                                               |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
|     |                                                                                |       |                                                                               |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 362 |                                                                                |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Các bạn của bé" | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 363 |                                                                                |       |                                                                               |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                  | Nguồn | Nội dung năm                                                                          | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                               |       |                                                                                       |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                               |       |                                                                                       |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                               |       |                                                                                       |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 364 | Độc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo | KQMĐ  | Độc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Đồ dùng đồ chơi bé yêu". | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 365 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 366 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 367 |                                                               |       | Độc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề: "Những con vật quanh bé" | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 368 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 369 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 370 |                                                               |       | Độc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Gia đình bé yêu"         | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 371 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 372 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |  |
| 373 |                                                               |       | Độc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Tết và mùa xuân".        | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |  |
| 374 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |  |
| 375 |                                                               |       |                                                                                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm                                                                         | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG                                                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|-----|--------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|     |              |       |                                                                                      |       | LCM                                                                                                   | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|     |              |       |                                                                                      |       | 3                                                                                                     | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|     |              |       |                                                                                      |       | 8/9-26/9                                                                                              | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 376 |              |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Rau-củ-quả bé thích"    |       |                                                                                                       |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 377 |              |       |                                                                                      |       |                                                                                                       |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 378 |              |       |                                                                                      |       |                                                                                                       |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 379 |              |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Phương tiện giao thông" |       |                                                                                                       |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 380 |              |       |                                                                                      |       |                                                                                                       |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 381 |              |       |                                                                                      |       |                                                                                                       |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 382 |              |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Mùa hè"                 | NDCT  |                                                                                                       |            |             |             |           |          |          |           | x         |      | 1                                                   |   |
| 383 |              |       |                                                                                      |       |                                                                                                       |            |             |             |           |          |          |           | x         |      | 1                                                   |   |
| 384 |              |       | Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng về chủ đề:"Bé lên mẫu giáo"        | NDCT  |                                                                                                       |            |             |             |           |          |          |           | x         |      | 1                                                   |   |
| 385 |              |       |                                                                                      |       | Kể lại được đoạn truyện được nghe nhiều lần với sự gợi ý của người lớn bằng các câu thơ có 5, 7 tiếng | NDCT       |             |             |           |          | x        |           |           |      |                                                     | 1 |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                                                                                      | Nguồn | Nội dung năm                              | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|---|
|     |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |   |
|     |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |   |
|     |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |   |
| 386 | câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc                                                                                         | NDCI  | nhiều lần có gợi ý                        | NDCI  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |   |   |
| 387 | 3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp                                                                                                                                                  |       |                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |   |   |
| 388 | Biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:<br>+ Chào hỏi, trò chuyện<br>+ Bày tỏ nhu cầu của bản thân<br>+ Hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; "Cái gì đây?",... | KQMĐ  | Sử dụng lời nói để giao tiếp theo nhu cầu | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |   |
| 389 |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |   |
| 390 |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |   |
| 391 |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |   |
| 392 |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |   |
| 393 |                                                                                                                                                                                   |       |                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           |      |                                                     |   | 1 |
| 394 | Sử dụng được các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. Nói to, đủ                                                                                                  |       | Nói lễ phép, to rõ ràng, đủ               |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |   |

| TT  | Mục tiêu năm                              | Nguồn | Nội dung năm                            | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                           |       |                                         |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                           |       |                                         |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                           |       |                                         |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 395 | nghe, phát âm rõ tiếng.                   | NDCT  | Trẻ biết lắng nghe, tỏ rõ rằng, đã nghe | KQMD  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 396 |                                           |       |                                         |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 397 | 4. Làm quen với sách                      |       |                                         |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 398 | Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách | NDCT  | Lắng nghe khi người lớn đọc sách        | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 399 |                                           |       |                                         |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 400 |                                           |       |                                         |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 401 |                                           |       |                                         |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 402 |                                           |       |                                         |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 403 |                                           |       |                                         |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 404 |                                           |       |                                         |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 405 |                                           |       |                                         |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                | Nguồn | Nội dung năm                                                                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                             |       |                                                                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                             |       |                                                                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                             |       |                                                                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 406 | Chỉ và gọi tên được các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh,ảnh. | KQMĐ  | Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hiện tượng gần gũi qua tranh,ảnh. | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 407 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |
| 408 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 409 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 410 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 411 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 412 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 413 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 414 |                                                                             |       |                                                                              |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                         | Nguồn | Nội dung năm                                                     | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                                      |       |                                                                  |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                                      |       |                                                                  |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                                      |       |                                                                  |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 415 |                                                                      |       |                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 416 | Nhận biết một số kí hiệu đơn giản của lớp.                           | ĐP    | Nhận biết một số kí hiệu đơn giản của lớp.                       | ĐP    |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 417 |                                                                      |       |                                                                  |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 418 | IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ                    |       |                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 419 | 1. Phát triển tình cảm                                               |       |                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 420 | * Ý thức về bản thân                                                 |       |                                                                  |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 421 | Nói được một vài thông tin về bản thân (tên, tuổi)                   | KQMĐ  | Nhận biết được tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 422 | Biết thể hiện điều mình thích, không thích bằng lời nói và hành động | KQMĐ  | Nhận biết được một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình        | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 423 | Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản của giáo viên, người lớn     | KQMĐ  | Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản của giáo viên, người lớn | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 424 |                                                                      |       |                                                                  |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                 | Nguồn | Nội dung năm                                                                                      | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|--|
|     |                                                                                              |       |                                                                                                   |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |  |
|     |                                                                                              |       |                                                                                                   |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |  |
|     |                                                                                              |       |                                                                                                   |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |  |
| 425 |                                                                                              |       |                                                                                                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 426 | * Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.                                           |       |                                                                                                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 427 | Trẻ biết bộc lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh                                 | KQMĐ  | Trẻ bộc lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh                                           | TLHD  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 428 |                                                                                              |       |                                                                                                   | TLHD  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |  |
| 429 | Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ | KQMĐ  | Cách nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 430 | 2. Phát triển kỹ năng xã hội                                                                 |       |                                                                                                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 431 | * Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi                                       |       |                                                                                                   |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |  |
| 432 | Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói                               | KQMĐ  | Giao tiếp với những người xung quanh, Chơi thân thiện với bạn                                     | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 433 |                                                                                              |       |                                                                                                   |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |
| 434 | Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ | KQMĐ  | Một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, cử chỉ                         | KQMĐ  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                             | Nguồn | Nội dung năm          | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|--|
|     |                                                                                                          |       |                       |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |  |
|     |                                                                                                          |       |                       |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |  |
|     |                                                                                                          |       |                       |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |  |
| 435 | Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc / gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi                  | KQMĐ  | Quan tâm đến con vật  | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 436 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 437 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 438 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 439 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 440 | Biểu lộ sự thân thiện với môi trường cây xanh: Không bẻ cành, ngắt hoa. Tập làm một số việc chăm sóc cây | ĐP    | Quan tâm đến cây xanh | ĐP    |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |  |
| 441 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           | x    |                                                     | 1 |  |
| 442 |                                                                                                          |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      |                                                     | 1 |  |
| 443 | * Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt                          |       |                       |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |      |                                                     |   |  |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                      | Nguồn | Nội dung năm                                                                             | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 444 | Biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở                                                                              | KQMĐ  | Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp văn hóa: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ" | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 445 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 446 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 447 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 448 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 449 | Bắt chước được một vài hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...) | KQMĐ  | Chơi với đồ dùng đồ chơi                                                                 | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 450 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 451 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 452 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 453 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 454 |                                                                                                                   |       |                                                                                          |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                                                            | Nguồn | Nội dung năm                                                              | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                         |       |                                                                           |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                                                                                         |       |                                                                           |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                                                                                         |       |                                                                           |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 455 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 456 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           | 1         |   |      |                                                     |
| 457 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         | 1         |   |      |                                                     |
| 458 | Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác                                                                                      | KQMĐ  | Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 459 | Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định | NDCT  | Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp            | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 460 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           | 1         |   |      |                                                     |
| 461 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 462 | 3 . Phát triển cảm xúc thẩm mỹ                                                                                          |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 463 | 1. Nghe hát,hát và vận động đơn giản theo nhạc.                                                                         |       |                                                                           |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 464 |                                                                                                                         |       |                                                                           |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                                                              | Nguồn | Nội dung năm                                                                    | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                                           |       |                                                                                 |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                                                                           |       |                                                                                 |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                                                                           |       |                                                                                 |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 465 | Trẻ thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. | KQMĐ  | Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 466 |                                                                                           |       |                                                                                 |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 467 |                                                                                           |       |                                                                                 |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 468 |                                                                                           |       |                                                                                 |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 469 |                                                                                           |       |                                                                                 |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |
| 470 |                                                                                           |       |                                                                                 |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           | 1         |      |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                         | Nguồn | Nội dung năm                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------|-------|-----------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                      |       |                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                      |       |                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                      |       |                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 471 |                                      |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 472 |                                      |       |                                               |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 473 | Trẻ thích nghe các bài hát về chủ đề | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Lớp chúng mình".          | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 474 |                                      | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Các bạn của bé".          | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 475 |                                      | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Đồ dùng, đồ chơi bé yêu". | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 476 |                                      |       |                                               |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 477 |                                      | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Những con vật quanh bé".  | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm                                                       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------|-------|--------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |              |       |                                                                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |              |       |                                                                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |              |       |                                                                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 478 | Cháu bé      | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Gia đình".                                     | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 479 |              | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Tết và mùa xuân".                              | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 480 |              | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Rau- củ-quả bé thích".                         | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 481 |              | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Phương tiện giao thông".                       | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 482 |              |       |                                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 483 |              | KQMĐ  | Nghe hát về chủ đề:"Mùa hè bé yêu".                                | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 484 |              |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Lớp chúng mình"  | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 485 |              |       |                                                                    |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 486 |              |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Các bạn của bé". | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                     | Nguồn | Nội dung năm                                                                  | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                  |       |                                                                               |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                                  |       |                                                                               |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                                  |       |                                                                               |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 487 | Trẻ biết hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. | KQMĐ  | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Các bạn của bé".            | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 488 |                                                  |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Đồ dùng, đồ chơi bé thích". | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 489 |                                                  |       |                                                                               |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 490 |                                                  |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Con vật bé yêu".            | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 491 |                                                  |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 492 |                                                  |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Gia đình bé yêu".           | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 493 |                                                  |       |                                                                               |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1 |      |                                                     |
| 494 |                                                  |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:" Tết và mùa xuân".          | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |   | 1    |                                                     |
| 495 |                                                  |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề:"Rau- củ-quả".               | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |   | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                             | Nguồn | Nội dung năm                                                                | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |   | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|---|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                          |       |                                                                             |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |   |      |                                                     |
|     |                                          |       |                                                                             |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |   |      |                                                     |
|     |                                          |       |                                                                             |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |   |      |                                                     |
| 496 |                                          |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề: "Phương tiện giao thông". | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1 |      |                                                     |
| 497 |                                          |       |                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           | 1         |   |      |                                                     |
| 498 |                                          |       |                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           | 1         |   |      |                                                     |
| 499 |                                          |       | Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc về chủ đề: " Bé yêu mùa hè"          | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1 |      |                                                     |
| 500 |                                          |       |                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         | 1         |   |      |                                                     |
| 501 | 2. Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh. |       |                                                                             |       |                                    |            |             |             |           |          |          |           |           |   |      |                                                     |
| 502 | Hào hứng xem tranh cùng các bạn          | KQMĐ  | Xem tranh                                                                   | KQMĐ  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 503 |                                          |       |                                                                             |       |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 504 |                                          |       |                                                                             |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |
| 505 |                                          | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Lớp chúng mình"                         | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
|     |                                          |       |                                                                             |       | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |   | 1    |                                                     |
| 506 |                                          |       |                                                                             |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           |   |      | 1                                                   |

| TT  | Mục tiêu năm                           | Nguồn | Nội dung năm                                                 | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|----------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                        |       |                                                              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |                                        |       |                                                              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |                                        |       |                                                              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 507 | Thích cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc. | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Các bạn của bé"           | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 508 |                                        | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Đồ dùng đồ chơi bé yêu"  | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 509 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 511 |                                        | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Những con vật quanh bé". | NDCT  |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 512 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 513 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 515 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 517 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 518 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 519 |                                        | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Tết và mùa xuân"         | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 520 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |
| 521 |                                        |       |                                                              |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm | Nguồn | Nội dung năm                                               | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|--------------|-------|------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|
|     |              |       |                                                            |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |
|     |              |       |                                                            |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |
|     |              |       |                                                            |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |
| 522 |              | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Rau- củ- quả bé thích"  | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 523 |              |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |
| 524 |              | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Gia đình bé yêu"        | KQMĐ  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           |           | 1    |                                                     |
| 525 |              | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Phương tiện giao thông" | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 526 |              |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 527 |              |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 528 |              |       |                                                            |       |                                    |            |             |             |           |          |          | x         |           | 1    |                                                     |
| 529 |              | KQMĐ  | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề " Mùa hè"                | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 530 |              |       | Di màu, vẽ nguệch ngoạc về chủ đề "Bé lên mẫu giáo"        | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |
| 531 |              |       | Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề: " Các bạn của bé"        | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           | 1    |                                                     |

| TT  | Mục tiêu năm                                        | Nguồn | Nội dung năm                                              | Nguồn                                                               | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|-----|-----------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|     |                                                     |       |                                                           |                                                                     | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|     |                                                     |       |                                                           |                                                                     | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|     |                                                     |       |                                                           |                                                                     | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 532 | Thích cầm bút vẽ các nét khác nhau                  | KQMĐ  | Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề: "Tết và mùa xuân"       | NDCT                                                                |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 533 |                                                     |       |                                                           |                                                                     |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 534 |                                                     |       |                                                           |                                                                     |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           | 1    |                                                     |   |
| 535 |                                                     |       | Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề "Phương tiện giao thông" | NDCT                                                                |                                    |            |             |             |           |          | x        |           | 1         |      |                                                     |   |
| 536 |                                                     |       | Vẽ nét thẳng, nét xiên về chủ đề " Mùa hè"                | NDCT                                                                |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |   |
| 537 | Có khả năng xé vụn giấy, vo, vò, dán trang trí hình | KQMĐ  | Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Động vật"     | NDCT                                                                |                                    |            |             | x           |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 538 |                                                     |       |                                                           | Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Tết và mùa xuân"        | NDCT                               |            |             |             |           |          |          | x         |           |      | 1                                                   |   |
| 539 |                                                     |       |                                                           | Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Phương tiện giao thông" | NDCT                               |            |             |             |           |          |          |           |           | x    |                                                     | 1 |

| TT  | Mục tiêu năm                                                             | Nguồn | Nội dung năm                                                       | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|------|-----------------------------------------------------|---|
|     |                                                                          |       |                                                                    |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |      |                                                     |   |
|     |                                                                          |       |                                                                    |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |      |                                                     |   |
|     |                                                                          |       |                                                                    |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |      |                                                     |   |
| 540 |                                                                          |       | Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Rau- củ- quả bé thích" | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          |           |           | 1    |                                                     |   |
| 541 |                                                                          |       | Xé vụn, vo, vò, dán trang trí hình chủ đề: "Bé lên mẫu giáo"       | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         | 1    |                                                     |   |
| 542 | Thích chơi với đất nặn tạo ra sản phẩm đơn giản theo sự hướng dẫn của cô | KQMĐ  | Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề "Các bạn của bé".                  | NDCT  |                                    | x          |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 543 |                                                                          | KQMĐ  | Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề " Đồ dùng bé yêu".                 | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |
| 544 |                                                                          | KQMĐ  | Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề " Tết và mùa xuân"                 | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |
| 545 |                                                                          |       |                                                                    |       |                                    |            |             |             |           |          | x        |           |           |      | 1                                                   |   |
| 546 |                                                                          | KQMĐ  | Nặn sản phẩm đơn giản về chủ đề:" Phương tiện giao thông".         | NDCT  |                                    |            |             |             |           |          |          |           | x         |      |                                                     | 1 |
| 547 |                                                                          |       |                                                                    | NDCT  | x                                  |            |             |             |           |          |          |           |           |      | 1                                                   |   |

| TT  | Mục tiêu năm                                   | Nguồn | Nội dung năm | Nguồn | DỰ KIẾN PHÂN PHỐI VÀO CHỦ ĐỀ/THÁNG |            |             |             |           |          |          |           |           |     | Cộng | Ghi chú về sự điều chỉnh so với KH chung nhà trường |
|-----|------------------------------------------------|-------|--------------|-------|------------------------------------|------------|-------------|-------------|-----------|----------|----------|-----------|-----------|-----|------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                |       |              |       | LCM                                | CBCB       | ĐD,ĐC       | CVQB        | GĐBY      | RCQ      | T&MX     | PTGT      | BYMH      |     |      |                                                     |
|     |                                                |       |              |       | 3                                  | 4          | 3           | 4           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4+1(ôn)   |     |      |                                                     |
|     |                                                |       |              |       | 8/9-26/9                           | 29/9-24/10 | 27/10-14/11 | 17/11-12/12 | 15/12-9/1 | 12/1-6/2 | 9/2-13/3 | 16/3-17/4 | 20/4-22/5 |     |      |                                                     |
| 548 | Thích chơi xếp hình.                           | KQMĐ  | Xếp hình     | NDCT  |                                    |            | x           |             |           |          |          |           |           | 1   |      |                                                     |
| 549 |                                                |       |              | NDCT  |                                    |            |             |             | x         |          |          |           | 1         |     |      |                                                     |
| 550 |                                                |       |              | NDCT  |                                    |            |             |             |           | x        |          | 1         |           |     |      |                                                     |
| 551 | CỘNG TỔNG SỐ NỘI DUNG PHÂN BỐ VÀO CHỦ ĐỀ       |       |              |       | 49                                 | 56         | 54          | 51          | 53        | 50       | 54       | 56        | 47        | 470 |      |                                                     |
| 552 | Trong đó: - Lĩnh vực thể chất                  |       |              |       | 15                                 | 18         | 19          | 17          | 17        | 18       | 17       | 22        | 18        | 161 |      |                                                     |
| 553 | - Lĩnh vực nhận thức                           |       |              |       | 8                                  | 11         | 9           | 5           | 10        | 10       | 9        | 8         | 7         | 77  |      |                                                     |
| 554 | - Lĩnh vực ngôn ngữ                            |       |              |       | 14                                 | 13         | 12          | 13          | 13        | 12       | 13       | 11        | 10        | 111 |      |                                                     |
| 555 | - Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. |       |              |       | 12                                 | 14         | 14          | 16          | 13        | 10       | 15       | 15        | 12        | 121 |      |                                                     |
| 556 | '- Nuôi dưỡng                                  |       |              |       | 3                                  | 4          | 4           | 3           | 4         | 4        | 4        | 5         | 4         | 35  |      |                                                     |

BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP